TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HOÀNG MAI** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày:14/4/2022
"V/v ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hồ Xuân Quyền.
Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Nguyễn Yên Dũng
2. Ông Hoàng Đức Thịnh

-Thư ký phiên toà*:* Bà Trần Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Đào Giang Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 25/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022, về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 48 /2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đậu Thị L, sinh năm: 1998

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Khối 12, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Đức T, sinh năm: 1996

Nơi ĐKHKTT: Khối 12, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 26, phân trại 2, Trại giam Đ - Cục cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17/02/2022 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đậu Thị L trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Đức T kết hôn vào ngày 10 tháng 02 năm 2017 tại UBND phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, hôn nhân giữa chị và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống với nhau bình thường, hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nghiện chất ma túy và hiện đang chấp hành án về tội "tàng trữ trái phép chất ma túy" tại Trại giam Đ, tỉnh Q. Nay chị thấy tình

cảm giữa chị và anh T không còn nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Đức T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung gồm Trần Diễm M, sinh ngày 05/9/2017, Trần Ly C, sinh ngày 10/12/2018 và Trần Như N, sinh ngày 07/5/2021, không ai có con riêng, không nhận nuôi con nuôi. Do anh T hiện đang chấp hành án nên nay ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung của chị và anh T, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Chị và anh T không có tài sản chung, không cho ai vay, không vay ai tài sản gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai, đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 18/3/2022 bị đơn anh Trần Đức T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T thống nhất như chị L đã trình bày về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh và chị L. Mặc dù anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ với nhau nhưng anh thấy bản thân anh là người có lỗi nên nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị L.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh có ba con chung gồm Trần Diễm M, sinh ngày 05/9/2017, Trần Ly C, sinh ngày 10/12/2018 và Trần Như N, sinh ngày 07/5/2021, không ai có con riêng, không nhận nuôi con nuôi đúng như chị L đã trình bày.

Nay ly hôn do anh đang chấp hành án nên anh đồng ý giao ba con chung của anh và chị L cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Sau khi chấp hành án xong trở về địa phương nếu anh và chị L không thỏa thuận được anh sẽ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về chia tài sản: Vợ chồng anh không có tài sản chung, không có tài sản cho ai vay cũng như không vay nợ ai tài sản gì nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luận và quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, xác minh, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên toà cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc tuân theo pháp luận của đương sự: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Đậu Thị L được ly hôn với anh Trần Đức T.

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị Đậu Thị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng ba con chung của chị L và anh T là Trần Diễm M, sinh ngày 05/9/2017, Trần Ly C, sinh ngày 10/12/2018 và Trần Như N, sinh ngày 07/5/2021 cho đến lúc con chung trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đậu Thị L không yêu cầu anh Trần Đức T cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về chia tài sản chung: Chị Đậu Thị L và anh Trần Đức T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Đậu Thị L phải chịu toàn bộ án phí LHST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà. Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An nhận định:

[1]*Về tố tụng:* Chị Đậu Thị L yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai giải quyết ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với anh Trần Đức T có hộ khẩu thường trú tại khối khối 12, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn anh Trần Đức T hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ đồng thời có đơn xin được xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đậu Thị L và anh Trần Đức T, đăng ký kết hôn vào ngày 10/02/2017 tại UBND phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Do đó hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Nguyên nhân làm phát sinh mâu thuẫn giữa chị L và anh T là xuất phát từ việc anh T nghiện chất ma túy, không quan tâm, chăm lo cho gia đình, điều đó đã được anh T, chị L thừa nhận và hậu quả là anh T đang phải chấp hành án về tội liên quan đến chất ma túy. Mâu thuẫn giữa chị L, anh T cũng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Mặt khác tại biên bản xác minh tại địa phương cũng đã thể hiện chị L, anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, địa phương cũng đã hòa giải nhưng không có kết quả. Điều đó chính tỏ rằng mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù chị L, anh T đều thống nhất ly hôn nhưng anh T vắng mặt tại phiên toà nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị L được ly hôn với anh T.

2.2. *Về nuôi con chung*: Chị L, anh T có ba con chung gồm Trần Diễm M, sinh ngày 05/9/2017, Trần Ly C, sinh ngày 10/12/2018 và Trần Như N, sinh ngày 07/5/2021, không ai có con riêng, không nhận nuôi con nuôi.

Nay ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ba con chung của chị L và anh T. Do anh T đang chấp hành án nên anh cũng đồng ý giao ba con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy nguyện vọng, ý kiến của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Bởi anh T đang chấp hành án tại Trại giam Đ nên chưa đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong khi đó chị L có đủ điều kiện nuôi

dưỡng con, qua biên bản xác minh tại địa phương cũng đã thể hiện chị L làm nghề kinh doanh online thu nhập khoảng 20.000.000đ/tháng chị cũng không có hành vi đánh đập ngược đãi con chung. Vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên sau khi chị L, anh T ly hôn, cần giao ba con chung của chị L và anh T cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị L không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, do đó Hội đồng xét xử miễn xét.

2.3. *Về chia tài sản*: Chị L và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Chị Đậu Thị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; các Điều 266; 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đậu Thị L được ly hôn với anh Trần Đức T

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho chị Đậu Thị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng ba con chung của chị L và anh T là Trần Diễm M, sinh ngày 05/9/2017, Trần Ly C, sinh ngày 10/12/2018 và Trần Như N, sinh ngày 07/5/2021 đến lúc con chung trưởng thành.

2.2. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

2.3. Anh Trần Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.4. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Chị Đậu Thị L và anh Trần Đức T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đậu Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà chị L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003419 ngày 22/02/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An (chị L đã nộp đủ tiền án phí).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Hoàng Mai;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Hoàng Mai;
- UBND phường Q, thị xã Hoàng Mai (để ghi vào sổ hộ tịch, giấy CNKH số 28 ngày 10/02/2017);
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Xuân Quyền